



huā gāng yán
花岗岩

noun · granite

Example Sentences

zhè zuò qiáo shì yòng huā gāng yán jiàn de.
这座桥是用花岗岩建的。

This bridge is built with granite.

huā gāng yán fēi cháng jiān yìng nài yòng.
花岗岩非常坚硬耐用。

Granite is very hard and durable.

Trace each character, then write the word on your own.

花	花	花	花	花	花	花	花	花	花
岗	岗	岗	岗	岗	岗	岗	岗	岗	岗
岩	岩	岩	岩	岩	岩	岩	岩	岩	岩